

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/5/2021.

V/v “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.
- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phi Hùng.
2. Bà Trần Thị Phiến.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên toà: Ông Trần Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2021/TLST-HNGĐ ngày 22/3/2021, về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 15/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Phương N, sinh năm 1995.

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Đặng Ngọc L, năm sinh 1995.

Địa chỉ: 207, ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2021, sửa đổi, bổ sung ngày 05/4/2021, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Phan Thị Phương N trình bày:

Chị N và anh L quen biết từ khi khoảng 06 tháng thì quyết định tổ chức đám cưới ngày 20/12/2013 âm lịch, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật cho đến nay.

Sau đám cưới 07 ngày thì chị N phát hiện anh L đã từng có vợ (cũng không đăng ký kết hôn) nhưng đã tự ly hôn (không ra Tòa án giải quyết), trước đám cưới với chị N thì anh L vẫn đang có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chưa chấm dứt quan hệ mà lại làm đám cưới với chị N.

Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cự cãi, thái độ lời lẽ không tôn trọng nhau và gia đình. Anh L không tôn trọng cha mẹ và gia đình vợ, nhiều lần chửi mắng thô tục, xúc phạm cha mẹ vợ và gia đình bên vợ. Anh L không chăm lo cho cuộc sống chung, anh L chơi đàn organ, thường đi chơi nhạc ở đám tiệc, đám cưới, đám tang, ... ở địa phương, nên giờ giấc làm việc, thu nhập thất thường, có tiền thì ăn nhậu say xỉn, không chu cấp tiền bạc để chăm lo cuộc sống chung, nuôi vợ con. Khi chị N nhắc nhở thì anh L cự cãi, mâu thuẫn rồi lại đi nhậu, nhiều lần anh L cự cãi, đánh chị N gãy răng, viêm tai giữa, sưng mặt mũi. Năm 2019, chị N phải nhập viện điều trị thương tích do anh L đánh hai lần, nhưng anh L cũng không tới lui thăm nuôi. Từ tháng 01 năm 2021 đến nay, anh L bỏ đi nơi khác ở cho đến nay, không liên lạc, quan tâm đến vợ con.

Năm 2019, chị N có nộp Đơn khởi kiện xin ly hôn. Do anh L cam kết sửa đổi để vợ chồng đoàn tụ nên chị N rút Đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Thế nhưng sau đó anh L vẫn không thay đổi nên chị N tiếp tục nộp Đơn khởi kiện xin ly hôn anh L.

Nay chị N nhận thấy không còn tình cảm, hạnh phúc, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị N yêu cầu ly hôn anh L.

Về con chung: Chị N và anh L có hai con chung là Phan Ngọc Thư Thư sinh ngày 29/9/2014 và Phan Ngọc N sinh ngày 08/02/2018. Hiện nay chị N đang nuôi hai con. Chị N yêu cầu được quyền nuôi hai con sau ly hôn. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị N không có.

Theo bản trình bày ý kiến, các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, Bị đơn Đặng Ngọc L trình bày:

Chị N và anh L quen biết từ khoảng 06 tháng thì quyết định tổ chức đám cưới ngày 20/12/2013 âm lịch, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Sau đám cưới chị N ghen tuông cho rằng anh L quan hệ tình cảm với những người phụ nữ khác, anh L giải thích chỉ là bạn bè nhưng chị N không tin. Từ đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không tôn trọng nhau, nhiều lần cự cãi, bất hòa, có lời lẽ xúc phạm không tôn trọng nhau, do không kiềm chế nóng giận được nên anh L có đánh chị N nhiều lần. Anh L vẫn chăm lo cho cuộc sống chung, anh L biết chơi đàn organ, thường đi chơi nhạc ở đám tiệc, đám cưới, đám tang, ... ở địa phương, nên giờ giấc làm việc, thu nhập thất thường. Từ tháng 01 năm 2021 đến nay, chị N và anh L không sống chung, do chị N không cho anh L về sống chung.

Năm 2019, chị N nộp Đơn khởi kiện xin ly hôn, anh L có cam kết sửa đổi để vợ chồng đoàn tụ, nên chị N rút Đơn khởi kiện, Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên đến nay vợ chồng chưa khắc phục được mâu thuẫn, chị N vẫn không tha thứ cho anh L.

Nay anh L nhận thấy vẫn còn tình cảm, còn thương chị N, nên anh L yêu cầu được đoàn tụ chung sống với chị N để nuôi con.

Về con chung: chị N và anh L có hai con chung là Phan Ngọc TT, sinh ngày 29/9/2014 và Phan Ngọc N sinh ngày 08/02/2018. Hiện nay chị N đang nuôi hai con ổn định. Nếu phải ly hôn hoặc Tòa án không công nhận vợ chồng thì anh L đồng ý giao cho chị N được quyền nuôi hai con. Chị N và anh L tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi các con, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh L trình bày không có.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Thống nhất với trình tự, thủ tục tố tụng về thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án.

Về nội dung: Chị N và anh L chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị N và anh L. Về con chung: đề nghị giao cho chị N quyền nuôi 02 con là Phan Ngọc TT, sinh ngày 29/9/2014 và Phan Ngọc N sinh ngày 08/02/2018. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi các con; tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Phương N thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của chị Phan Thị Phương N xin ly hôn anh Đặng Ngọc L nhưng anh L không đồng ý ly hôn. Xét thấy chị N và anh L tự nguyện chung sống như vợ chồng, có đám cưới từ năm 2013 đến nay, có đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nhưng chị N và anh L không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó quan hệ giữa chị N và anh L không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, chị N và anh L không hòa hợp tính tình, lối sống, sinh hoạt, không tôn trọng nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, thực tế từ tháng 01 năm 2021 đến nay chị N và anh L sống ly thân, chị N và anh L đều không có biện pháp đoàn tụ chung sống. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh L theo quy định tại Điều 9, Điều 53, Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh L có hai con là Phan Ngọc TT, sinh ngày 29/9/2014 và Phan Ngọc N sinh ngày 08/02/2018. Hiện nay chị N đang trực tiếp nuôi hai con ổn định. Chị N yêu cầu được quyền nuôi hai con, anh L cũng đồng ý giao cho chị N nuôi hai con nếu phải ly hôn hoặc không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị N. Xét thấy chị N đang nuôi hai con ổn định, có đủ điều kiện bảo đảm cho các con được sinh hoạt, học hành ổn định, bình thường, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị N được

quyền nuôi hai con Phan Ngọc TT, sinh ngày 29/9/2014 và Phan Ngọc N sinh ngày 08/02/2018, cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh L được quyền đến thăm nom chăm sóc các con mà không ai được ngăn cản.

[4] Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi các con, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi các con.

[5] Về tài sản chung: Chị N và anh L trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Phan Thị Phương N phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo luật định.

[7] Ý kiến quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 5, 28, 35, 91, 92, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều: 9, 14, 51, 53, 58, 81, 82, 107, 110, 117, 118, 119, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều: 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Phương N và anh Đặng Ngọc L.

2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Phương N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Phan Ngọc TT, sinh ngày 29/9/2014 và Phan Ngọc N sinh ngày 08/02/2018, cho đến khi các con đủ 18 tuổi (hiện nay chị N đang nuôi hai con). Anh Đặng Ngọc L được quyền đến thăm nom chăm sóc các con mà không ai được ngăn cản.

3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Phương N không yêu cầu anh Đặng Ngọc L cấp dưỡng nuôi các con.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, về nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Phan Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 00013273 ngày 22/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, được trừ vào án phí hôn nhân gia đình phải nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Hưng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 12 tháng 5 năm 2021

Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phi Hùng
2. Bà Trần Thị Phiến

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 103/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 3 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 15/4/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Phan Thị Phương N, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp Hòa Hiệp, xã Hòa Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Đặng Ngọc L, năm sinh 1995

Địa chỉ: ấp Phú Bình, xã Phú Long, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 5, 28, 35, 91, 92, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các Điều: 9, 14, 51, 53, 58, 81, 82, 107, 110, 117, 118, 119, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều: 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Phương N và anh Đặng Ngọc L.
2. Về con chung: Giao cho chị Phan Thị Phương N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Phan Ngọc Thư Thư, sinh ngày 29/9/2014 và Phan Ngọc Ngân sinh ngày 08/02/2018, cho đến khi các con đủ 18 tuổi (hiện nay chị N đang nuôi hai con). Anh Đặng Ngọc L được quyền đến thăm nom chăm sóc các con mà không ai được ngăn cản.
3. Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị Phương N không yêu cầu anh L cấp

duỡng nuôi các con.

4. Về tài sản chung: Chị N và anh L tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, về nợ chung: Chị N và anh L trình bày không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Phan Thị Phương N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 00013273 ngày 22/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, được trừ vào án phí hôn nhân gia đình phải nộp.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ ... phút ngày ... tháng ... năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

